

Số: /TMTĐ-TTYT

Ea Kar, ngày tháng 08 năm 2025

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Ea Kar có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá để xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn năm 2025. Kính mời các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá, có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị mời báo giá: Trung tâm Y tế Ea Kar.
- Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá:
 - Văn thư Trung tâm Y tế Ea Kar.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận qua đường bưu điện tại địa chỉ: Văn thư, Phòng Tổ chức-Hành chính, Trung tâm Y tế Ea Kar, 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá đến trước 16h00 ngày 13/8/2025. (Ghi rõ trên bì thư: Báo giá không mở trước 16h00 ngày 13/8/2025).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời điểm hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá 16h00 ngày 13/8/2025.

II. Nội dung thư mời báo giá:

1. Nội dung công việc thực hiện:

- Tên dịch vụ: Thẩm định giá trang phục Bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn năm 2025 tại (Phụ lục 1 chi tiết đính kèm).
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Trung tâm Y tế Ea Kar, 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá có nhu cầu tham gia gửi 01 bộ Hồ sơ báo giá để Trung tâm có cơ sở lựa chọn được đơn vị thẩm định giá đúng theo quy định.

- Hồ sơ báo giá gồm:

- + Báo giá (đã bao gồm thuế (VAT), các chi phí đi lại thẩm định và các chi phí khác có liên quan).
- + Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp.
- + Hồ sơ năng lực và kinh nghiệm.

Trung tâm Y tế Ea Kar rất mong nhận được sự quan tâm và báo giá của các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng DS-TTGDSK (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục 1
Bảng mô tả hàng hóa

(Kèm theo Thư mời thẩm định giá số /TMTĐ-TTYT ngày /08/2025 của Trung tâm Y tế Ea Kar)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ + mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuya cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo. 2. Quần Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương.	Bộ	90

		Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C(CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau. Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau, quần cạp 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
2	Trang phục Được sĩ + mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:	Bộ	56

	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuya cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo. 2. Quần: Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo.		
--	--	--	--

Phụ lục 2

		Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
3	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân + mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài bên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5)	Bộ	54

	Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuya cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ ngay tới hông, có đai ngang lưng, có in logo trên ngực trái, giặt không phai logo. 2. Quần: Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo. Quần nam: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương. Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$		
--	--	--	--

		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
4	Trang phục điều dưỡng, Hộ sinh, Y sĩ + mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biển công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có đai ngang lưng, phía trước có 2 túi, có khuya cài biển tên trên ngực trái; túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0.5cm; có in tên trung tâm logo trên ngực trái, giặt không phai logo. 2. Quần: Quần nữ: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương	Bộ	342

	Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, quần chun. Hoặc áo liền váy quy định tại khoản 1, 2 điều 5 Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế quy định về trang phục y tế Quần Nam: a) Màu sắc: Màu trắng b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 275.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, hai túi chéo, có 1 túi sau 3. Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo.		
--	--	--	--

5	Trang phục nhân viên hành chính	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu Trắng; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate Mỹ hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 109.8 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $370 \times 304 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.1) \times (0.1) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 81.7 ± 0.5 Rayon 18.3 ± 0.5. c) Kiểu dáng: Áo sơ mi cộc tay hoặc dài tay cơ bản, cổ Đức, cúc cài giữa, thân áo có chiết ly tạo eo.Có in tên logo trung tâm trên ngực trái,có túi trên ngực trái 2. Quần tây: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester	Bộ	100
---	--	---	----	-----

		c) Kiểu dáng: Quần âu cơ bản, quần kéo khóa trước, thân trước 2 túi chéo, 01 túi hậu thân sau 3. Zúýp nữ: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: váy văn phòng cơ bản, có cạp, khóa sau lưng, kéo hết cạp.		
6	Trang phục lái xe	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$	Bộ	6

	Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester. c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ Đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 02 túi có nắp, có khuya cài biển tên ngực trái 2. Quần tây: a) Màu sắc: Màu Xanh Đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau 3. Áo khoác: a) Màu sắc: Màu Xanh Đen b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 259.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER		
--	---	--	--

		c) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 02 túi coi chéo có nắp túi, 04 cúc, có nẹp cầu vai, có khuya cài biên tên trên ngực trái		
7	Trang phục hộ lý+mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết: 1.Áo, Quần a) Màu sắc : Xanh hòa bình b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều , kate ford hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $288 \times 270 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $28.5 \times 25.4 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.9) \times (-2.1) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 65.0 ± 0.5 Cotton 35.0 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo: áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 02 túi, có khuya cài biên tên trên ngực trái, giặt không phai logo. Quần: quần âu 2 ly, 02 túi chéo (quần nam có 01 túi sau). 2. Mũ: theo màu sắc của áo	Bộ	12
8	Trang phục Bảo vệ+mũ	I. Yêu cầu chung: - May đúng theo thông tư 45/2015/TT-BYT. Có logo TTYT Ea Kar ở phía trên khuy cài biên công tác trên ngực trái. II. Đặc tính, thông số kỹ thuật Chi tiết:	Bộ	8

	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh Coban sẫm b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kate ford hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 161.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $272 \times 292 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $30.9 \times 31.5 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.4) \times (-1.5) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 66.1 ± 0.5 Coton 33.9 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Áo cổ Đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, 02 túi có nắp, có khuya cài bên trên ngực trái 2. Quần : a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải tuyết mưa co giãn 2 chiều, kaki hoặc tương đương Thành phần: Khối lượng vải (G/M2): 226.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10 CM): $436 \times 214 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 1-5 Độ bền xé rách (N) (DxN) $47.8 \times 29.7 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (cấp) (DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.2) \times (0.0) \pm 0.2$ Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% Polyester 84.9 ± 0.5 Coton 15.1 ± 0.5 c) Kiểu dáng: Quần âu 02 ly, có 01 túi sau 3. Áo khoác:		
--	---	--	--

		a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu sẫm; b) Kiểu dáng: : Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 02 túi hơi chéo có nắp túi, 04 cúc, có nẹp cầu vai, có khuya cài biên tên trên ngực trái 4. Mũ: Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo.		
Tổng cộng: 08 khoản				668